TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 487/2017/HS-PT
Ngày 19 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Khởi;

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh;

Bà Huỳnh Thanh Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số: 288/2017/HSPT ngày 09 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Trần Thị L. Do có kháng cáo của các bị cáo và nguyên đơn dân sự đối với bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017HSST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1/ Nguyễn Văn T, sinh năm: 1973 tại Quảng Ngãi; Nơi ĐKHKTT: Thôn TL, xã BN, huyện PR, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Sửa chữa ô tô; Trình độ văn hoá: 7/12; Họ tên cha: không rõ và con bà Đoàn Thị N, sinh năm 1949; Bị cáo có vợ Trần Thị L, sinh năm 1979 và có 02 con sinh năm 1996 và 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/7/2016 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Trần Thị L, sinh năm: 1979 tại Bình Phước; Nơi ĐKHKTT: Thôn TL, xã BN, huyện PR, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hoá: 01/12; Con ông Trần Văn L (chết) và bà Trần Thị S, sinh năm 1952; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/7/2016 đến ngày 04/01/2017 được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Luật sư bào chữa cho các bị cáo:

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Luật sư Đỗ Hải B và luật sư Nguyễn Văn T1, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Luật sư chữa cho bị cáo Trần Thị L:* Luật sư Trịnh Bá T2 và luật sư Nguyễn Lan O, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Nguyên đơn dân sự:** Công ty cổ phần đầu tư tài chính BP

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Xuân T3; Chức vụ: Giám đốc (có mặt);

Địa chỉ: số 703 Quốc lộ 14, phường TB, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước.

(Ngoài ra trong vụ án còn có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các ông bà Trần Thị S, Nguyễn Cao H, Cao Minh C, Nguyễn Phan L2 không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng Nguyễn Văn T và Trần Thị L thành lập Công ty TNHH TL kinh doanh chế biến nông sản. Năm 2013, bà Trần Thị S (là mẹ ruột Trần Thị L) thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AĐ 601919 do UBND huyện PL cấp ngày 04/8/2006 để bảo đảm cho vợ chồng T, L vay số tiền 1.500.000.000đ, thời hạn vay là 01 năm (từ ngày 25/10/2013 đến ngày 25/10/2014) tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh thị xã PL.

Do đến ngày 25/10/2014, là đến thời hạn trả nợ vay nhưng vợ chồng T, L chưa có tiền để đáo hạn Ngân hàng nên T điện thoại liên hệ với anh Đào Xuân T3 là Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư tài chính BP để vay tiền thì được anh T3 đồng ý nhưng yêu cầu phải có tài sản để thế chấp. Sau đó T, L nói lại sự việc trên cho bà S thì được bà S đồng ý.

Ngày 19/10/2014, T và L đến Công ty cổ phần đầu tư tài chính BP gặp ông T3 để thỏa thuận vay tiền. Sau khi kiểm tra hợp đồng tín dụng của Công ty TNHH TL với Ngân hàng sẽ hết hạn vào ngày 25/10/2014, anh T3 đồng ý cho T, L vay 1.500.000.000đ trong thời hạn 10 ngày, lãi suất một ngày là 4.500.000đ, trả trước số tiền lãi 60.000.000đ.

Ngày 20/10/2014, T cùng L và bà S đến Công ty Công ty cổ phần đầu tư tài chính BP để làm thủ tục vay tiền. Bà S và ông T3 lập một Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số AĐ 601919 do UBND huyện PL cấp ngày 04/8/2006 của bà S cho ông T3, mục đích là để đảm bảo khoản vay 1.500.000.000đ của T và L, hai bên cùng ký xác nhận, bà S điểm chỉ dấu vân tay. Sau khi ký hợp đồng, anh T3 ủy quyền cho Phạm Quốc T4 là nhân viên của Công ty dẫn bà S cùng vợ chồng T, L đến Ngân hàng thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Bình Phước để làm thủ tục rút số tiền 1.500.000.000đ trực tiếp giao cho vợ chồng T, L có sự chứng kiến của Trần Văn Q là thủ quỹ của Ngân hàng. Khi giao tiền cho vợ chồng T, L thì T4 không lập giấy

tờ giao nhận. Chiều cùng ngày, T mang số tiền vay cùng lãi suất 35.833.000đ đến chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thị xã PL làm thủ tục đáo hạn và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S về.

Ngày 23/10/2014, bà S tiếp tục ký thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên để bảo đảm cho vợ chồng T, L vay lại số tiền 1.500.000.000đ để trả cho anh T3. Thời điểm này, anh Nguyễn Cao H (con rể bà S) có đơn khiếu nại gửi Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bù Gia Mập yêu cầu tạm ngưng việc giao dịch liên quan giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S và Ngân hàng để điều chỉnh trả lại đất cho ông H với lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh H và bà S được cấp bị trùng nhau. Vì vậy Ngân hàng không đồng ý cho T, L tiếp tục vay lại số tiền 1.500.000.000đ.

Đến thời hạn trả tiền, anh T3 điện thoại liên lạc với T yêu cầu trả số tiền 1.500.000.000đ thì T hứa hẹn và sau đó tắt máy không liên lạc với anh T3 nữa. Khi anh T3 đến nhà gặp vợ chồng T, L thì cả hai né tránh không gặp mặt và cho rằng không có vay mượn tiền gì của anh T3. Ngày 03/12/2014, anh T3 thay mặt Công ty cổ phần đầu tư tài chính BP làm đơn tố cáo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Phước về hành vi chiếm đoạt của T và L.

Cơ quan điều tra nhiều lần gửi giấy triệu tập nhưng T, L không đến làm việc. Trong các ngày 12/12/2014 và 10/9/2015. CQĐT phối hợp cùng Công an xã BN đến nhà vợ chồng T, L để làm việc. T, L đều phủ nhận không gặp gỡ, không trao đổi gì với anh T3; không quen biết anh Thành; không đến Công ty cổ phần đầu tư tài chính BP cùng bà Trần Thị S để gặp anh T3 vay 1.500.000.000đ; không quen biết ai tên là Phạm Quốc T4 nhân viên Công ty cổ phần đầu tư tài chính BP. Sau đó cả hai không hợp tác, không ký giấy mời, giấy triệu tập, không ký vào biên bản ghi lời khai.

Ngày 11/11/2015 CQĐT Công an tỉnh Bình Phước khởi tố vụ án để điều tra làm rõ. Ngày 11/7/2016 CQĐT khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T, Trần Thị L và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam.

Trong quá trình điều tra, ban đầu T và L không nhận số tiền vay 1.500.000.000đ nhưng đến ngày 19/7/2016 đã thừa nhận toàn bộ sự việc như đã nêu trên.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước đã tiến hành trưng cầu giám định Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước đối với dấu vân tay trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; trưng cầu Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh giám định hình ảnh trong trích đoạn camera thu giữ tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Bình Phước thời điểm nhận tiền ngày 20/10/2014, kết quả như sau:

- Kết luận giám định số 83/2015/KLGĐ ngày 27/3/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận 02 (hai) dấu vân tay (ký hiệu A1, A2) in phía dưới phần "Bên chuyển nhượng" trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/10/2014 là của bà Trần Thị S.

- Kết luận giám định số 2301/C54B ngày 26/8/2015 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận hình ảnh của Nguyễn Văn T và Trần Thị L trong tàng thư chứng minh nhân dân với hình ảnh trong trích đoạn camera thời điểm diễn ra giao dịch nhận tiền từ 10 giờ 33 phút 13 giây đến 10 giờ 33 phút 42 giây ngày 20/10/2014 tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Bình Phước là ảnh của cùng một người.

Ngày 16/10/2016, khi được CQCSĐT Công an tỉnh Bình Phước cho nhận dạng hình ảnh qua trích đoạn camera thu được ngày 20/10/2014, T và L đều thừa nhận đó chính là hình ảnh của T và L trong lúc đang nhận số tiền 1.500.000.000đ tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Bình Phước do Phạm Quốc T4 giao.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 04/8/2016 và ngày 09/11/2016 các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho Công ty Công ty cổ phần đầu tư tài chính BP số tiền 600.000.000đ, số tiền còn lại 900.000.000đ người đại diện hợp pháp của Công ty CPĐTTC Bình Phước là anh Đào Xuân T3 yêu cầu các bị cáo T và L có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty và lãi suất tương ứng do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước đã thu giữ 01 (một) trích đoạn camera của Ngân hàng Thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam chi nhánh Bình Phước được lưu trong 01 (một) đĩa CD-ROM hiệu SPARK, số seri: HCR80U52CP5 và lưu trong 01 (một) USB nhãn hiệu PNY loại 8G ghi lại những diễn biến giao dịch vào hồi 10 giờ 33 phút 13 giây đến 10 giờ 33 phút 42 giây ngày 20/10/2014.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HS-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 1 nghị quyết số 144/2016/QH ngày 29/6/2016 của Quốc Hội về việc thực hiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, Công văn 327/TANDTC - PC ngày 07/11/2016 của TANDTC về việc việc viện dẫn các điều khoản có lợi cho người phạm tội của bộ luật hình sự năm 2015 trong bản án.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 46, Điều 47 BLHS năm 1999 cho bị cáo L. Áp dụng khoản 4 Điều 175 BLHS năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2016.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị L 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam trước đó từ ngày 15/7/2016 đến ngày 04/01/2017.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L phải liên đới bồi thường cho Công ty đầu tư Tài chính BP số tiền 900.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/5/2017 và ngày 04/5/2017 các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 09/5/201, nguyên đơn dân sự là Công ty đầu tư Tài chính BP có đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu kêu oan; Các luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L lập luận rằng: Trong vụ án này nếu có tội phạm xảy ra, thì chủ thể tội phạm không phải các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L mà phải là bà Trần Thị S; vì sau khi sự việc xảy ra ông Đào Xuân T3 xác định bà Trần Thị S là người chiếm đoạt tiền, nên ông T3 đã làm đơn gửi cơ quan điều tra chỉ tố cáo bà S. Mặt khác, đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L không có thủ đoạn gian dối; vì khi vay tiền các bên thỏa thuận là để đáo hạn ngân hàng và thực tế sau khi nhận được tiền vay, trong ngày các bị cáo đã đem tiền đến hoàn trả cho ngân hàng, không hề có chiếm đoạt số tiền vay của anh T3. Sở dĩ không có tiền trả cho anh T3 theo thỏa thuận là do ngân hàng không cho vay đáo hạn, đây sự trở ngại khách quan ngoài ý chí chủ quan của các bị cáo. Trong quá trình điều tra lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L và lời khai của anh Đào Xuân T3 cũng điều xác định *"Lúc ban đầu khi anh Thành điện thoại đòi tiền, bị cáo Nguyễn Văn T có hứa với anh T3 từ từ cố gắng bị cáo sẻ trả"* điều này chứng tỏ bị cáo Nguyễn Văn T không hề có ý định chiếm đoạt tiền. Với những lý do trên các luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ điều tra tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L không phạm tội.

Đại diện cho nguyên đơn dân sự ông Đào Xuân T3 cho rằng: Giữa các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L với bà Trần Thị S có sự thông đồng để đổ lỗi cho nhau, không thừa nhận mình có vay tiền, đây là thủ đoạn gian dối ngay từ đầu và có tổ chức.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Sau khi phân tích đánh giá toàn bộ tài liệu, chứng cứ của vụ án cho rằng bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả các bị cáo gây ra, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của nguyên đơn dân sự; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các luật sư, các bị cáo và của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

[1] Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HS-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định cho rằng: Thủ đoạn gian dối của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L là cùng thống nhất phủ nhận không quen biết ông Đào Xuân T3 - Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư tài chính BP; không vay và nhận số tiền 1.500.000.000đ của Công ty cổ phần đầu tư tài chính BP.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L phủ nhận việc không quen biết ông Đào Xuân T3; không vay và nhận số tiền 1.500.000.000đ của Công ty cổ phần đầu tư tài chính BP đó mới chỉ là bằng lời nói, chứ chưa phải là dùng thủ đoạn gian dối mà các bị cáo đã thực hiện. Mặt khác, trong quá trình điều tra ở bị cáo Nguyễn Văn T và ông Đào Xuân T3 cũng có lời khai xác nhận: Sau khi ngân hàng không cho vay đáo hạn thì ông T3 có điện thoại đòi tiền, bị cáo T hứa sẽ cố gắng kiếm tiền trả; điều đó cho thấy bị cáo Nguyễn Văn T cũng thừa nhận có nợ tiền vay và sẽ trả. Như vậy ngoài việc không thừa nhận có vay và nhận số tiền 1.500.000.000đ bằng lời nói của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L thì cần phải điều tra, chứng minh thêm các bị cáo còn thực hiện dùng thủ đoạn gian dối nào khác nữa hay không?

[3] Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn T, ông Đào Xuân T3 đều xác nhận: Bị cáo Nguyễn Văn T đã giao đủ 60.000.000đ tiền lãi theo thỏa thuận cho ông T3. Như vậy cũng cần phải điều tra làm rõ ai là người trực tiếp giao, ai là người nhận tiền? Địa điểm thời gian giao nhận tiền? Số tiền 60.000.000đ đóng lãi cho phía ông T3 có được từ nguồn tiền nào thì mới có căn cứ kết luận chính xác số tiền ông T3 bị chiếm đoạt.

[4] Cần điều tra làm rõ việc tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Cao H với bà Trần Thị S trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 601919 ngày 14/8/2006 do bà Trần Thị S đứng tên có xảy ra thật sự hay là tạo biện để không được đáo hạn Ngân hàng.

[5] Cần điều tra làm rõ về ý thức của bà Trần Thị S vì bà S đã biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 601919 ngày 14/8/2006 do bà Trần Thị S đứng tên đang thế chấp cho Ngân hàng, nhưng lại còn làm hợp đồng giả cách chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho ông Đào Xuân T3 để nhằm mục đích gì? Nếu trong quá trình vay các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L không trả tiền vay cho Công ty cổ phần đầu tư tài chính BP thì bà Trần Thị S phải có trách nhiệm như thế nào?

[6] Từ những phân tích trên, do có nhiều vấn đề cần phải được điều tra làm rõ nhưng cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, nên cần hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HS-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước điều tra lại theo thủ tục chung.

[7] Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L và Công ty cổ phần đầu tư tài chính BP không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 248; Điều 250 Bộ luật tố tụng hình sự;

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HS-ST ngày 26-4-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước để điều tra lại.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ vụ án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị L không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- CA tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- TTG CA tỉnh Bình Phước;
(tống đạt cho bị cáo) (2);
- NĐDS (1);
- BCTN (1);
- Lưu VP (3), HS (2), 15b(án HTKN).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Quốc Khởi